|  |  |
| --- | --- |
| BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SAU TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT NĂM 2024**

*(Kèm theo Thông báo số 650/TB-SKĐAHN ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)*

**Tên chương trình: Đạo diễn sự kiện lễ hội**

**Khoa quản lý: Sân khấu**

**Bộ môn: Đạo diễn sân khấu và Diễn viên Kịch điện ảnh – Truyền hình**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Nội dung cải tiến nâng cao chất lượng** | **Người/ đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp** | **Thời gian** |  |
| **Tiêu chuẩn 1** | **1.1** | Tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHSKĐAHN, với Luật giáo dục đại học sửa đổi, với những quy định mới của Bộ GD&ĐT nhằm đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội, xu hướng phát triển của khu vực và thế giới. | Lãnh đạo Khoa Sân khấu (KSK);  PĐTQLKH&HTQT;  PKT&ĐBCLGD;  PCTHSSV | Từ năm học  2025 - 2026 | + Bản so sánh mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2024 và các năm sau năm 2024; |
| Nghiên cứu cách thức lấy ý kiến của các BLQ đối với việc điều chỉnh mục tiêu CTĐT cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. | Từ năm 2025 | **+**Báo cáo hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; |
| **1.2** | Thực hiện các quy định về rà soát CTĐT, đặc biệt là rà soát CĐR để điều chỉnh phù hợp với thực tiễn. | Từ năm học  2025- 2026 | **+**Các minh chứng liên quan đến hoạt động đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra; |
| Tổ chức 2 năm một lần đo lường, đánh giá mức độ của người học đạt được CĐR CTĐT. | +Minh chứng về các hoạt động truyền thông của Khoa. |
| **1.3** | Ký kết thỏa thuận hợp tác với các bên liên quan trong việc rà soát CĐR và phát triển CTĐT. | Từ năm học  2025 - 2026 | Hội thảo về đo lường, đánh giá CĐR CTĐT; hội thảo về phát triển CTĐT…  Bản mô tả CTĐT phiên bản năm 2026; |
| Xây dựng chiến lược mở rộng mối quan hệ với các BLQ, đặc biệt đối với các chuyên gia trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh và truyền hình. | + Hồ sơ đo lường, đánh giá CĐR CTĐT |
| **Tiêu chuẩn 2** | **2.1** | Rà soát bản mô tả CTĐT bảo đảm cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn. | Lãnh đạo KSK  PĐTQLKH&HTQT;  PKT&ĐBCLGD;  PCTHSSV | Từ năm học  2025 - 2026 | Biểu mẫu khảo sát trực tuyến (Google Forms, Microsoft Forms):  - Tạo các mẫu khảo sát dễ sử dụng, cung cấp hình thức khảo sát như thang điểm Likert, câu hỏi mở hoặc câu hỏi trắc nghiệm.  - Link khảo sát sẽ được phân phối qua email hoặc các nền tảng mạng xã hội tới các BLQ.  Tổ chức hội thảo và hội nghị phản hồi:  - Lên kế hoạch tổ chức các hội nghị trực tiếp hoặc trực tuyến để thu thập ý kiến từ các BLQ  - Ghi chép và báo cáo ý kiến tổng hợp từ các bên tham dự. Ứng dụng CNTT hỗ trợ lấy ý kiến:  - Sử dụng các phần mềm khảo sát chuyên nghiệp (SurveyMonkey, Zoho Survey,...) để phân tích kết quả và đưa ra báo cáo tự động |
| Định kỳ 2 năm một lần thực hiện khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT. | + Bản báo cáo cải tiến CTĐT:  - Dựa trên phản hồi của các BLQ, tổng hợp và lập báo cáo cụ thể đề xuất các chi tiết cải tiến trong CTĐT.  Video minh họa hoặc tài liệu tham khảo:  - Tạo video hoặc infographic mô tả rõ thông tin về chương trình đào tạo sau khi rà soát.  Trang web hỗ trợ và công khai: Thiết kế trang web/kho lưu trữ chứa thông tin liên quan để các BLQ luôn có thể truy cập dễ dàng.; |
| **2.2** | Rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần (ĐCCT HP) tương thích với các hoạt động rà soát, điều chỉnh CTĐT. | + Đề cương chi tiết học phần đã chỉnh sửa theo hoạt động điều chỉnh CTĐT. |
| Rà soát tài liệu tham khảo;  Bổ sung thông tin để diễn tả chi tiết hơn về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá người học trong các đề cương học phần. |  |
| **2.3** | Công bố rộng rãi và công khai bản mô tả CTĐT và các ĐCCT học phần bảo đảm cho các BLQ dễ dàng tiếp cận. | + Bản mô tả CTĐT |
| Xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các BLQ đối với bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần. | + Công bố rộng rãi mô tả CTĐT và các học phần trên website của Trường, đảm bảo thông tin đến tay sinh viên và các BLQ. |
| **Tiêu chuẩn 3** | **3.1** | Định kỳ 2 năm 1 lần rà soát cấu trúc chương trình dạy học (CTDH) bảo đảm phát huy tính gắn kết chặt chẽ giữa dạy – học nhằm đạt được CĐR ngày một cao hơn. | Lãnh đạo KSK;  PĐTQLKH&HTQT;  PKT&ĐBCLGD;  PCTHSSV;  VSKĐA | Từ năm học  2025 - 2026 | + Xây dựng CTĐT hoàn thiện cho năm học 2025-2026, bao gồm tổ chức các thành phần cần thiết để phát triển chương trình một cách hiệu quả. |
| Định kỳ 2 năm 1 lần tổ chức lấy ý kiến đóng góp và phản hồi của các BLQ về CTDH; thực hiện đối sánh, đánh giá về hiệu quả của CTĐT sau khi thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi. | + Hồ sơ lấy ý kiến đóng góp và phản hồi của các BLQ về CTDH.  + Bản đối sánh CTĐT. |
| **3.2** | Xây dựng kế hoạch cải tiến CTDH. Từ năm 2025, bám sát yêu cầu của Thông tư 17/2021/TT-BỘ GD&ĐT ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học để tiến hành rà soát, điều chỉnh CTDH.. | + Kế hoạch cải tiến CTĐT. |
|  | **3.3** | Xây dựng kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hiệu quả triển khai chương trình dạy học chuyên ngành ĐDSKLH để kịp thời có những điều chỉnh, cải tiến CTDH, đáp ứng yêu cầu của xã hội và NTD. |  |  | + Kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hiệu quả triển khai chương trình dạy học chuyên ngành ĐDSKLH |
| Định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần tổ chức rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH. |  |  | + Hồ sơ rà soát/ điều chỉnh CTDH. |
| **Tiêu chuẩn 4** | **4.1** | Tổ chức nghiên cứu mức độ tiếp nhận triết lý và mục tiêu giáo dục từ các BLQ để cải tiến và đa dạng hơn các phương thức truyền thông cho nội dung này. | Lãnh đạo KSK;  PĐTQLKH&HTQT;  PKT&ĐBCLGD;  PCTHSSV;  VSKĐA | Từ năm học  2025 - 2026 |  |
| Tổ chức ít nhất một buổi tọa đàm với các NTD để giới thiệu về triết lý giáo dục/mục tiêu CTĐT và xin ý kiến góp ý về mục tiêu, chương trình, CĐR CTĐT cho sát với yêu cầu thực tiễn. | + Hội thảo về triết lý giáo dục/mục tiêu CTĐT. |
| **4.2** | Tổ chức hội thảo, tọa đàm thường niên với các bên liên quan về những vấn đề phát triển CTĐT và xây dựng mối quan hệ tốt với các nhà tuyển dụng nhằm tạo cho SV nhiều cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp thực tế và tập huấn cho GV; có chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH, bồi dưỡng nghề nghiệp. | + Minh chứng hội thảo về triết lý về những vấn đề phát triển CTĐT và xây dựng mối quan hệ tốt với các nhà tuyển dụng nhằm tạo cho SV nhiều cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp thực tế và tập huấn cho GV. |
| Khảo sát mức độ hài lòng của NH với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học. | + Báo cáo lấy ý kiến phản hồi của NH với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học.  + Thực hiện quy định NCKH của sinh viên. |
| **4.3** | Rà soát, hoàn chỉnh tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập để nâng cao kỹ năng cho NH. |  |
| Khoa tích cực tìm kiếm các dự án đưa chuyên gia nước ngoài đến tập huấn nghiệp vụ cho SV chuyên ngành ĐDSKLH. | + Tài liệu về việc mời chuyên gia nước ngoài đến tập huấn nghiệp vụ cho SV chuyên ngành ĐDSKLH. |
| **Tiêu chuẩn 5** | **5.1** | Rà soát hình thức kiểm tra đánh giá nhằm bảo đảm mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và CĐR. | Lãnh đạo KSK;  PĐTQLKH&HTQT;  PKT&ĐBCLGD;  PCTHSSV;  VSKĐA | Từ năm học  2025 - 2026 | + Hồ sơ đánh giá CĐR của CTĐT. |
| Tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả kiểm tra-thi của NH để đánh giá mức độ phù hợp của các hình thức kiểm tra-thi nhằm bảo đảm khả năng đo lường mức đạt được CĐR và có hướng điều chỉnh cho phù hợp. | + Các minh chứng để đánh giá mức độ phù hợp của các hình thức kiểm tra-thi nhằm bảo đảm khả năng đo lường mức đạt được CĐR. |
| **5.2** | Rà soát quy định, quy trình về đánh giá KQHT của NH và công khai. | + Quy định, quy trình về đánh giá KQHT của NH. |
| Xây dựng kế hoạch về việc xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận và hiểu thông tin của SV để tăng cường kênh thông tin đến SV; khảo sát mức độ tiếp cận các biện pháp đánh giá KQHT của NH trong điều kiện học trực tuyến để có cơ sở xây dựng những quy định cụ thể về đánh giá KQHT trực tuyến. | + Kế hoạch về việc xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận và hiểu thông tin của SV để tăng cường kênh thông tin đến SV.  + Báo cáo về mức độ mức độ tiếp cận các biện pháp đánh giá KQHT của NH trong điều kiện học trực tuyến để có cơ sở xây dựng những quy định cụ thể về đánh giá KQHT trực tuyến. |
| **5.3** | Thực hiện các quy định về đánh giá KQHT của NH; chủ động cập nhật các phương pháp kiểm tra đánh giá trong bối cảnh học trực tuyến (nếu có các hoàn cảnh bắt buộc phải học trực tuyến). |  |
| Tổ chức hội thảo, tọa đàm để lấy ý kiến về độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá KQHT từ đó xây dựng các phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. | + Minh chứng hội thảo lấy ý kiến về độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá KQHT. |
| **5.4** | Thực hiện đúng quy định về công bố KQHT của NH; rà soát quy trình công bố KQHT. | + Quy định về công bố KQHT của NH; rà soát quy trình công bố KQHT. |
| Định kỳ 2 năm 1 lần thực hiện khảo sát lấy ý kiến của NH, cựu NH về cách thức; thời gian phản hồi KQHT. | + Báo cáo tổng hợp lấy ý kiến của NH, cựu NH về cách thức; thời gian phản hồi KQHT |
| **5.5** | Rà soát và phổ biến quy trình khiếu nại KQHT. PĐT,QLKH & HTQT giám sát việc chấm thi và công bố điểm thi đúng hạn. | + Quy trình khiếu nại KQHT. |
| Thiết lập sổ theo dõi việc khiếu nại/ kết quả trả lời khiếu nại về KQHT của NH; tiến hành khảo sát đánh giá việc tiếp cận quy trình khiếu nại của NH. | + Sổ theo dõi việc khiếu nại/ kết quả trả lời khiếu nại về KQHT của NH. |
| **Tiêu chuẩn 6** | **6.1** | Xây dựng cơ chế thu hút GV có trình độ cao, có kinh nghiệm nghề nghiệp về làm việc hoặc cộng tác giảng dạy với Trường. | Lãnh đạo KSK;  PĐTQLKH&HTQT;  PKT&ĐBCLGD;  PCTHSSV;  PHCTH. | Từ năm học  2025 - 2026 |  |
| Xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá mục tiêu cụ thể về phát triển đội ngũ. | + Kế hoạch rà soát, đánh giá mục tiêu cụ thể về phát triển đội ngũ. |
| **6.2** | Gám sát, khuyến khích GV thực hiện tốt công việc để bảo đảm chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. |  |
| Xây dựng bộ tiêu chí định lượng các hoạt động PVCĐ của GV. Bám sát kế hoạch và đánh giá kết quả thực hiện việc tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ theo từng năm học. | + Bộ tiêu chí định lượng các hoạt động PVCĐ của GV. |
| **6.3** | Công khai các thông tin và tiêu chí khi tuyển dụng GV trên các phương tiện truyền thông. | + Thông báo tuyển dụng viên chức, giảng viên. |
| Ràsoát chiến lược phát triển nguồn nhân lực. | + Chiến lược phát triển nguồn nhân lực. |
| **6.4** | Rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn năng lực GV để làm cơ sở cho quá trình đánh giá kết quả công việc. | + Bộ tiêu chuẩn năng lực của giảng viên để làm cơ sở cho quá trình đánh giá kết quả công việc. |
| Xây dựng kế hoạch tổ chức hội thảo, toạ đàm, nghiên cứu đề tài khoa học cấp Khoa/cấp Trường về tiêu chí đánh giá năng lực GV KSK; ban hành bộ tiêu chí đánh giá năng lực GV giảng dạy của KSK. | + Minh chứng hội thảo, toạ đàm, nghiên cứu đề tài khoa học cấp Khoa/cấp Trường về tiêu chí đánh giá năng lực GV KSK. |
| **6.5** | Nghiên cứu phân bổ ngân sách tiếp tục duy trì hoặc nâng cao hơn nữa mức hỗ trợ trong các chính sách, cơ chế để khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ. KSK dựa vào các hoạt động định kỳ của hội nghề nghiệp (liên hoan sân khấu, hội thi…) lập danh sách GV tham dự, đồng thời tham mưu cho Nhà trường xây dựng cơ chế hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng các hoạt động nghề nghiệp mang tính đặc thù để nâng cao trình độ chuyên môn của GV. | + Báo cáo tổng hợp hội thảo, toạ đàm, nghiên cứu đề tài khoa học cấp Khoa/cấp Trường về tiêu chí đánh giá năng lực GV KSK. |
| Tổ chức khảo sát/ hội thảo, toạ đàm, nghiên cứu đề tài khoa học cấp Khoa/cấp Trường về tiêu chí đánh giá năng lực GV KSK nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học. Tăng cường tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp hoặc dự án để hỗ trợ GV tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế. |
| **6.6** | Tổ chức khảo sát về sự đáp ứng của GV KSK đối với vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ của Khoa. Duy trì hoặc bổ sung các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động PVCĐ. | + Báo cáo tổng hợp về sự đáp ứng của GV KSK đối với vị trí việc làm. |
| Định kỳ 2 năm 1 lần thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ GV về quy trình và tiêu chí đánh giá kết quả công việc, thi đua khen thưởng. Khảo sát chỉ số quy đổi trong tính điểm NCKH, bổ sung ưu đãi trong chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH. | + Báo cáo tổng hợp lấy ý kiến phản hồi từ GV về quy trình và tiêu chí đánh giá kết quả công việc, thi đua khen thưởng. |
| **6.7** | Tổ chức hội thảo, tọa đàm để tìm ra giải pháp nâng cao chất lượng, số lượng đề tài NCKH. Thực hiện định kỳ rà soát, đối sánh kết quả và mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV để cải tiến chất lượng. | + Hội thảo khoa học để tìm ra giải pháp nâng cao chất lượng, số lượng đề tài NCKH.  + Bảng đối sánh kết quả và mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV. |
| **Tiêu chuẩn 7** | **7.1** | Rà soát và lập danh sách các chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên tham gia các khóa tập huấn nhằm tăng cường nghiệp vụ chuyên môn. | Lãnh đạo KSK;  PĐTQLKH&HTQT;  PKT&ĐBCLGD;  PCTHSSV;  PHCTH;  Trung tâm thực hành SK-ĐA;  TT TTTV. | Từ năm học  2025 - 2026 | + Danh sách các chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên tham gia các khóa tập huấn nhằm tăng cường nghiệp vụ chuyên môn. |
| Định kỳ hằng năm khảo sát NH, GV về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên (ĐNNV). | + Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát NH, GV về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên. |
| **7.2** | Rà soát kế hoạch về cơ cấu độ tuổi cho ĐNNV trong đề án nhân sự giai đoạn tiếp theo của Nhà trường. | + Kế hoạch về cơ cấu độ tuổi cho ĐNNV. |
| Định kỳ 2 năm 1 lần tổ chức khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ về vị trí việc làm của ĐNNV. | + Hồ sơ khảo sát lấy kiến góp ý của các BLQ về vị trí việc làm của ĐNNV. |
| **7.3** | Thực hiện các chính sách bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho ĐNNV. | + Chính sách bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho ĐNNV. |
| Định kỳ mỗi năm 1 lần lấy ý kiến đánh giá của NH về thái độ, năng lực làm việc của ĐNNV. | + Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến đánh giá của NH về thái độ, năng lực làm việc của ĐNNV. |
| **7.4** | Trường khuyến khích các nhân viên phòng ban tham gia các khóa tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn. Hằng năm, giao các phòng chức năng, các trung tâm thực hành, TTTTTV chủ động đề xuất các lớp học, khóa tập huấn có liên quan đến nghiệp vụ của đơn vị. | + Minh chứng các khóa tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn. |
| Tổ chức khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho ĐNNV. | + Hồ sơ khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho ĐNNV. |
| **7.5** | Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách quản trị nguồn nhân lực để đánh giá chất lượng công việc và theo dõi, giám sát thực hiện. | + Chính sách quản trị nguồn nhân lực. |
| Định kỳ tổ chức khảo sát sự hài lòng của NV về công tác đánh giá NV. Rà soát bản mô tả vị trí việc làm làm cơ sở để Nhà trường bổ sung những chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhân viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ. | + Hồ sơ khảo sát sự hài lòng của NV về công tác đánh giá NV.  + Bản mô tả vị trí việc làm. |
| **Tiêu chuẩn 8** | **8.1** | Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách tuyển sinh, cập nhật và chủ động công bố thông tin và hình ảnh trên website của Trường/ Khoa, thực hiện tuyển sinh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. | Lãnh đạo KSK;  PĐTQLKH&HTQT;  PKT&ĐBCLGD;  PCTHSSV;  PHCTH;  ĐTNCSHCM. | Từ năm học  2025 - 2026 | + Thông báo tuyến sinh. |
| Khảo sát SV, cựu SV, NTD, đồng thời thu thập dữ liệu về nhu cầu nhân lực ngành ĐDSK của xã hội để làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh. | + Hồ sơ Khảo sát SV, cựu SV, NTD về nhu cầu nhân lực ngành ĐDSK của xã hội. |
| **8.2** | Nghiên cứu tiêu chí và phương pháp tuyển sinh mới để có thể thu hút được đa dạng các đối tượng thí sinh. | + Đề án tuyển sinh |
| Nghiên cứu tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn NH. Xây dựng dữ liệu về ý kiến của các BLQ trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH. | + Báo cáo tổng hợp kết quả về ý kiến của các BLQ trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH. |
| **8.3** | Theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của NH, đặc biệt là các SV bị cảnh báo học vụ để hỗ trợ kịp thời. |  |
| Nghiên cứu tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn NH. Xây dựng dữ liệu về ý kiến của các BLQ trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH. |  |
| **8.4** | Tăng cường các hoạt động ngoại khóa, toạ đàm hướng nghiệp cho sinh viên năm cuối. | + Minh chứng các buổi tọa đàm hướng nghiệp cho sinh viên năm cuối. |
| Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của NH, cựu NH đánh giá về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. | + Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH, cựu NH đánh giá về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. |
| **8.5** | Rà soát, thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo đảm duy trì một môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH. | + Quy định về bảo đảm duy trì một môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH. |
| Định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan của Trường. | + Báo cáo tổng hợp kết quả lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan của Trường. |
| **Tiêu chuẩn 9** | **9.1** | Rà soát CSVC, đề xuất với Nhà trường tiếp tục hỗ trợ thêm trang thiết bị mới; mua sắm, đóng mới thêm đạo cụ học tập, hệ thống bục, hệ thống âm thanh, ánh sáng, cho mỗi phòng học; đầu tư về trang phục biểu diễn. | Lãnh đạo KSK;  PĐTQLKH&HTQT;  PKT&ĐBCLGD;  PCTHSSV;  PHCTH;  TTTTTV. | Từ năm 2025 | + Hồ sơ đề xuất với Nhà trường tiếp tục hỗ trợ thêm trang thiết bị mới; mua sắm, đóng mới thêm đạo cụ học tập, hệ thống bục, hệ thống âm thanh, ánh sáng, cho mỗi phòng học; đầu tư về trang phục biểu diễn. |
| Quy hoạch lại các phòng học chuyên dụng, phòng chức năng cho các lớp học tài năng; thực hiện bảo dưỡng định kì các trang thiết bị sẵn. | + Kế hoạch sử dụng các phòng học chuyên dụng, phòng chức năng cho các lớp học tài năng.  + Kê hoạch bảo dưỡng định kì các trang thiết bị sẵn. |
| **9.2** | Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn học liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của CB, GV và NH. Ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện. | + Kế hoạch sử dụng nguồn học liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của CB, GV và NH. |
| Liên kết với các thư viện có cùng chuyên ngành đào tạo để chia sẻ, trao đổi tài nguyên thông tin. |  |
| **9.3** | Tăng cường công tác quản lý trang thiết bị theo đúng chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. Nhà trường tiếp tục thực hiện bảo dưỡng định kì các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng. | + Kế hoạch bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng. |
| Định kỳ 02 năm một lần thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các phòng học và phòng thực hành, hệ thống thiết bị. Duy trì tốt quy trình bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị thực hành. | + Hồ sơ khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các phòng học và phòng thực hành, hệ thống thiết bị. |
| **9.4** | Xây dựng kế hoạch nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt chú trọng đến việc phát triển các phần mềm quản lý, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy cập internet. Tăng cường CNTT trong hoạt động văn thư lưu trữ, quản lý đào tạo, thư viện. | + Kế hoạch nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt chú trọng đến việc phát triển các phần mềm quản lý, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy cập interne.t |
| Khảo sát ý kiến của GV, NV hỗ trợ và NH về tính hiệu quả sử dụng của các thiết bị trong giảng dạy /học tập, NCKH, quản lý. | + Hồ sơ Khảo sát ý kiến của GV, NV hỗ trợ và NH về tính hiệu quả sử dụng của các thiết bị trong giảng dạy /học tập, NCKH, quản lý. |
| **9.5** | Xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội quy bảo vệ cơ quan, các phương án PCCC. Đẩy mạnh hơn nữa công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn. | + Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội quy bảo vệ cơ quan, các phương án PCCC. |
| Sắp xếp một khu nhà ăn, căng tin của Nhà trường. |  |
| **Tiêu chuẩn 10** | **10.1** | Lưu trữ thông tin về NH, cựu SV, các nhà sử dụng lao động để xây dựng nguồn dữ liệu đối tượng khảo sát. | Lãnh đạo KSK;  PĐTQLKH&HTQT;  PKT&ĐBCLGD;  PCTHSSV;  PHCTH;  VSKĐA. | Từ năm học  2025- 2026 | + Hồ sơ lưu trữ thông tin về NH, cựu SV, các nhà sử dụng lao động. |
| Thực hiện quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ. | + Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi của các BL |
| **10.2** | Định kỳ 2 năm một lần, thực hiện việc thu thập ý kiến phản hồi từ GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng về quy trình thiết kế, đánh giá và cải tiến CTDH nhằm giúp SV đạt được CĐR của CTĐT. | + Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng về quy trình thiết kế, đánh giá và cải tiến CTDH. |
| Khảo sát các BLQ để có nhiều góp ý hơn cho việc thiết kế và phát triển CTĐT chuyên sâu của chuyên ngành ĐDSKLH. | + Hồ sơ khảo sát các BLQ việc thiết kế và phát triển CTĐT chuyên sâu của chuyên ngành ĐDSKLH. |
| **10.3** | Thực hiện tốt hơn nữa việc đánh giá quá trình dạy và học; phối hợp với phòng chức năng trong việc đánh giá KQHT của NH, đặc biệt việc thực hiện đánh giá đạt CĐR CTĐT theo yêu cầu tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học. | + Minh chứng đánh giá đạt CĐR CTĐT theo yêu cầu tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT Quy định về chuẩn chương trình đào tạo. |
| Mở rộng việc lấy ý kiến đánh giá về chất lượng giảng dạy của GV; đồng thời nghiên cứu xây dựng quy trình thống kê tỷ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra - thi để có sự điều chỉnh kịp thời về chất lượng đề thi. | + Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến đánh giá về chất lượng giảng dạy của GV. |
| **10.4** | Tham mưu Bộ VHTTDL về việc tính điểm NCKH đối với những sản phẩm văn hóa như vai diễn, vở diễn. | + Báo cáo tham mưu gửi BVHTT&DL về việc tính điểm NCKH cho các sản phẩm văn hóa.  Đề xuất điều chỉnh quy chế tổ chức và đánh giá NCKH, trong đó có tính đến việc phân tầng đại học.  Các đề tài NCKH phục vụ công tác đào tạo và hỗ trợ GV trẻ, SV thực hiện đề tài NCKH theo hướng ứng dụng (hoặc thực hành). |
| Ban hành các văn bản để tổ chức và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong Trường. |
| **10.5** | Quy hoạch lại không gian riêng cho KSK; đồng thời Khoa tích cực huy động nguồn lực từ các tổ chức ngoài trường để hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở vật chất cho Khoa (hỗ trợ đạo cụ sân khấu…). |  |
| Định kỳ 2 năm 1 lần lấy ý kiến của các BLQ về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. Xây dựng các quy trình công tác để hỗ trợ hiệu quả hơn cho CTĐT. | + Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của các BLQ về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. |
| **10.6** | Duy trì các hình thức khảo sát hiện có để tạo nguồn thông tin nâng cấp hiệu chỉnh CTĐT. |  |
| Thực hiện tốt quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; xây dựng văn hóa bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong cơ sở giáo dục. | + Quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. |
| **Tiêu chuẩn 11** | **11.1** | Giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu SV tốt nghiệp, thôi học của SV chuyên ngành ĐDSKLH. | Lãnh đạo KSK;  PĐTQLKH&HTQT;  PKT&ĐBCLGD;  PCTHSSV;  PHCTH;  VSKĐA. | Từ năm học  2025 – 2026 | + Báo cáo định kỳ về tình hình học tập của sinh viên, đặc biệt là sinh viên chuyên ngành ĐDSKLH, bao gồm số liệu về tốt nghiệp, thôi học, và tiến độ học tập. |
| Tuyên truyền cho NH nắm rõ các điều kiện để được công nhận tốt nghiệp. |  |
| **11.2** | Nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát và quản lý học tập, hỗ trợ NH hoàn thành bài tốt nghiệp. | + Quy trình thực hiện việc tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của người học. |
| Xây dựng quy trình thực hiện việc tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của NH, từ đó xây dựng những quy định hỗ trợ SV. Triển khai việc đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo. |
| **11.3** | KSK và Trường tổ chức liên kết với các đơn vị/ doanh nghiệp để giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo. | + Minh chứng về hoạt động liên kết với các đơn vị/doanh nghiệp để hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành. |
| Lập kế hoạch khảo sát về tình trạng việc làm của SV chuyên ngành ĐDSKLH đã tốt nghiệp ở các khóa từ đó có thông tin đầy đủ để giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng đào tạo. | + Kế hoạch khảo sát về tình trạng việc làm của SV chuyên ngành ĐDSKLH đã tốt nghiệp. |
| **11.4** | Xây dựng quy định về hoạt động NCKH trong SV. | + Quy định về hoạt động NCKH trong SV |
| Nghiên cứu đẩy mạnh hoạt động về NCKH trong SV. | + Minh chứng về hoạt động NCKH của sinh viên khoa SK.  + Danh mục bài nghiên cứu khoa học theo năm |
| **11.5** | Thực hiện “Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan”; tìm hiểu mức độ hài lòng của các BLQ và đối sánh để cải tiến chất lượng. | + Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT chuyên ngành ĐDSKLH. |
| Rà soát, điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu khảo sát để bảo đảm tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát. | + Thiết lập các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để bảo đảm tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát. (Kèm theo mẫu phiếu khảo sát mới) |

* *Ghi chú*

|  |  |
| --- | --- |
| BGD&ĐT | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| BLQ | Bên liên quan |
| BVHTTDL | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch |
| CTĐT | Chương trình đào tạo |
| CĐR | Chuẩn đầu ra |
| CTHSSV | Công tác học sinh, sinh viên |
| CTDH | Chương trình dạy học |
| ĐCCT | Đề cương chi tiết |
| ĐBCLGD | Đảm bảo chất lượng giáo dục |
| ĐHSKĐAHN | Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội |
| ĐDSKLH | Đạo diễn sự kiện lễ hội |
| ĐT,QLKH&HTQT | Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế |
| HCTH (TCCB) | Hành chính, Tổng hợp (Tổ chức cán bộ ) |
| HP | Học phần |
| KQHT | Kết quả học tập |
| KSK | Khoa Sân khấu |
| KT&ĐBCLGD | Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục |
| NCKH | Nghiên cứu khoa học |
| NH | Người học |
| PVCĐ | Phục vụ cộng đồng |
| SV | Sinh viên |
| TCCB | Tổ chức cán bộ |
| TTTTTV | Trung tâm Thông tin, Thư viên |
| VSKĐA | Viện Sân khấu – Điện ảnh |